

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu,
tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009; Luật Đất đai ngày 29/11/2013; Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Nghị định 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 36/2017/QĐ-UBND ngày 16/3/2017 của UBND tỉnh về việc Quy định phân công, phân cấp quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

Theo đề nghị của UBND huyện Diễn Châu tại Tờ trình số 258/TTr-UBND ngày 08/10/2021; đề nghị của Sở Xây dựng tại Công văn số 4082/SXD.QHKT ngày 12/11/2021 về việc thẩm định nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với nội dung như sau:

1. Tên hồ sơ: Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2. Chủ đầu tư: Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu.

3. Phạm vi ranh giới, diện tích và thời hạn lập quy hoạch:

3.1. Phạm vi ranh giới: Toàn bộ diện tích thuộc ranh giới hành chính huyện Diễn Châu. Cụ thể các phía tiếp giáp như sau:

- Phía Bắc giáp: Huyện Quỳnh Lưu;
- Phía Nam giáp: Huyện Nghi Lộc;
- Phía Đông giáp: Huyện Diễn Đông;
- Phía Tây giáp: Huyện Yên Thành.

3.2. *Diện tích lập quy hoạch:* khoảng 30.693,02ha (306,93km²).

3.3. *Thời hạn lập quy hoạch:* Giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

4. Quan điểm, mục tiêu và tính chất chức năng của đồ án:

4.1. Quan điểm:

- Quy hoạch vùng huyện Diên Châu được định hướng phát triển thống nhất về không gian, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội gắn với phát triển chung của vùng duyên hải tỉnh Nghệ An; phát triển hài hòa giữa các vùng đô thị và nông thôn, các vùng chức năng với các vùng miền. Tôn trọng tự nhiên, ứng phó với các vấn đề về biến đổi khí hậu để đảm bảo cho sự phát triển bền vững;

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Diên Châu góp phần phát huy sức mạnh tổng hợp, tiềm năng và lợi thế của địa phương để thúc đẩy kinh tế tăng trưởng nhanh và bền vững; văn hóa - xã hội phát triển lành mạnh; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân được nâng cao; quốc phòng, an ninh vững chắc.

4.2. Mục tiêu:

- Cụ thể hóa:

+ Định hướng điều chỉnh quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Nghệ An đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 620/QĐ-TTg ngày 12/5/2015;

+ Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị tỉnh Nghệ An đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 4566/QĐ.UBND-CN ngày 12/11/2007;

+ Quy hoạch vùng duyên hải tỉnh Nghệ An đã được UBND tỉnh Nghệ An phê duyệt tại Quyết định số 4313/QĐ.UBND-CN ngày 17/10/2011;

+ Nghị quyết số 01-NQ/HU ngày 15/7/2020 của Đảng bộ huyện Diên Châu lần thứ XXXI nhiệm kỳ 2020 - 2025;

- Quy hoạch xây dựng vùng huyện Diên Châu nhằm phát huy vị thế và sức mạnh tổng hợp của huyện trong phát triển kinh tế - xã hội theo hướng phát triển bền vững, khai thác có hiệu quả mối quan hệ nội và ngoại vùng. Trong đó tập trung vào các thế mạnh phát triển kinh tế biển, công nghiệp, thương mại, dịch vụ, du lịch và hình thành các khu đô thị mới;

- Tạo lập cơ sở pháp lý để triển khai và quản lý quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng nông thôn mới, quy hoạch các khu chức năng (*công nghiệp, du lịch-dịch vụ...*) làm tiền đề thu hút đầu tư phát triển trên địa bàn huyện Diên Châu. Đồng thời, bảo vệ môi trường thích ứng và chống chịu biến đổi khí hậu. Giữ gìn di sản văn hóa lịch sử, cảnh quan thiên nhiên và phát triển bản sắc văn hóa địa phương;

- Tạo cơ sở pháp lý cho việc hoàn thành mục tiêu xây dựng huyện Diên Châu đạt chuẩn nông thôn mới.

4.3. Nhiệm vụ:

- Đánh giá tổng hợp hiện trạng và các nguồn lực phát triển vùng kinh tế, lao động, dân cư, đất đai;

- Đề xuất phát triển hệ thống đô thị, các khu dân cư nông thôn tập trung trên cơ sở khai thác lợi thế riêng của huyện Diên Châu về nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, du lịch và dịch vụ thúc đẩy phát triển đa dạng ngành kinh tế;

- Đề xuất cấu trúc không gian vùng huyện với các trục liên kết hệ thống đô thị, trung tâm cụm xã, hệ thống điểm dân cư nông thôn, gắn kết với các trung tâm kinh tế huyện và khu vực; phân bố không gian phát triển nông nghiệp, xây dựng công nghiệp, du lịch - dịch vụ, hệ thống hạ tầng xã hội, các công trình hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo phát triển bền vững đô thị và nông thôn; bổ sung và khớp nối các dự án đã và đang thực hiện trên phạm vi địa bàn;

- Đối với khu vực nông thôn: đảm bảo thực hiện những quan điểm chủ đạo trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội và chương trình mục tiêu quốc gia về xây dựng nông thôn mới, nghiên cứu các mô hình đặc trưng cho khu vực nông thôn huyện Diên Châu.

5. Tính chất, chức năng:

- Là vùng kinh tế tổng hợp trọng điểm gắn với KKT Đông Nam, đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế, xã hội của tỉnh Nghệ An phát huy thế mạnh sản xuất công nghiệp, dịch vụ thương mại, du lịch và nông lâm ngư nghiệp...;

- Là cực tăng trưởng của vùng duyên hải Nghệ An với tiềm năng phát triển dịch vụ du lịch sinh thái, cảnh quan, nghỉ dưỡng, gắn liền với các cảnh quan thiên nhiên và các di tích lịch sử văn hóa; có mối giao thương quan trọng kết nối hành lang kinh tế của tỉnh;

- Là khu vực phát triển hài hòa các mục tiêu kinh tế, văn hóa, môi trường và an ninh quốc phòng.

6. Các chỉ tiêu chính dự kiến của đề án:

6.1. Quy mô dân số:

- Quy mô dân số hiện trạng là 321.355 người. Trong đó dân số đô thị khoảng 69.000 người (Thị trấn Diên Châu và vùng phụ cận; thị tứ Diên Kỳ, Diên Yên); dân số nông thôn khoảng 261.855 người.

- Dự báo quy mô dân số:

+ Đến năm 2025: 344.000 người. Trong đó, dân số đô thị từ 86.000÷103.500 người; dân số nông thôn từ 240.500÷258.000 người;

+ Đến năm 2030: khoảng 360.000 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng từ 144.000÷172.000 người; dân số nông thôn khoảng từ 188.000÷216.000 người;

+ Đến năm 2050 khoảng: 468.000 người. Trong đó, dân số đô thị khoảng từ 280.800÷372.600 người; dân số nông thôn khoảng từ 95.400÷187.200 người;

6.2. Tỷ lệ đô thị hóa:

- Hiện trạng: khoảng 2,19%;

- Đến năm 2025: 25% - 30%;

- Đến năm 2030: 40% - 50%;

- Đến năm 2050: 60% - 70%.

6.3. Quy mô đất đai xây dựng đô thị:

- Quy mô đất xây dựng đô thị hiện trạng: 82,38 ha (đã được công nhận là đô thị).
- Đến năm 2025: đất xây dựng đô thị từ 1.120÷1.350 ha;
- Đến năm 2030: đất xây dựng đô thị từ 1.750÷2.100 ha;
- Đến năm 2050: đất xây dựng đô thị từ 3.500÷5.000 ha;

6.4. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản áp dụng:

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật về hạ tầng xã hội, kỹ thuật trong các khu vực đô thị Phú Diễn mở rộng theo tiêu chí đô thị loại IV; khu vực trung tâm cụm xã thuộc huyện Diễn Châu theo tiêu chí đô thị loại V.

- Về hạ tầng kỹ thuật cần đảm bảo: đối với khu vực đô thị Phú Diễn mở rộng xây dựng, cơ sở hạ tầng tối thiểu đáp ứng tiêu chí đô thị loại IV; khu vực tập trung ngoài đô thị Phú Diễn mở rộng xây dựng, cơ sở hạ tầng tối thiểu đáp ứng tiêu chí đô thị loại V; đối với các khu dân cư nông thôn tối thiểu đáp ứng các tiêu chí về nông thôn mới do Chính phủ ban hành.

- Một số chỉ tiêu chính về phát triển kinh tế - xã hội được xác định phù hợp theo quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội huyện Diễn Châu đã được duyệt.

- Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật được lấy theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng QCVN 01:2019/BXD; Nghị quyết số 1210/2016/NQ-UBTVQH của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về phân loại đô thị, các chỉ tiêu cơ bản chủ yếu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	QH đến năm 2030	QH đến năm 2050
I	Chỉ tiêu về đất đai			
1	Đất dân dụng bình quân toàn đô thị	m ² /người	130	100
2	Đất xây dựng điểm dân cư nông thôn	m ² /người	200	250
II	Chỉ tiêu về hạ tầng xã hội			
1	Diện tích sàn nhà ở bình quân (sàn/ng)	m ²	≥ 29	26,5
2	Đất dân dụng	m ² /người	78	61
III	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật về đô thị			
1	Giao thông			
-	Đất giao thông so với đất xây dựng	%	11 - 18	≥ 18
-	Mật độ đường giao thông	km/km ²	6 - 10	≥ 10
-	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	5 - 13	≥ 13
2	Cấp nước			
-	Cấp nước sinh hoạt	l/ng.ngđ	120 - 130	≥ 130
-	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch hợp vệ sinh	%	90 - 100	100

3	Thu gom nước thải và VSMT			
-	Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt	%	90	≥ 90
-	Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp	%	100	100
-	Tỷ lệ thu gom Chất thải rắn	%	≥ 97	100
-	Lượng chất thải phát sinh	kg/ng/ngày	1	≥ 1,3
4	Cấp điện			
-	Cấp điện sinh hoạt	w/người	250	≥ 350
-	Điện công trình công cộng (tính bằng tỷ lệ % của phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	≥ 30
IV	Chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật về nông thôn			
1	Giao thông			
-	Đất giao thông so với đất xây dựng	%	11 - 16	≥ 16
-	Mật độ đường giao thông	km/km ²	6 - 8	≥ 8
-	Diện tích đất giao thông tính trên dân số	m ² /người	5 - 7	≥ 7
2	Cấp nước			
-	Cấp nước sinh hoạt	l/ng.ngđ	100	≥ 100
-	Tỷ lệ hộ dân được cấp nước sạch hợp vệ sinh	%	90	100
3	Thu gom nước thải và VSMT			
-	Tỷ lệ thu gom nước thải sinh hoạt	%	85	≥ 85
-	Tỷ lệ thu gom nước thải công nghiệp	%	100	100
-	Tỷ lệ thu gom Chất thải rắn	%	≥ 80	100
-	Lượng chất thải phát sinh	kg/ng/ngày	0,8	≥ 1,0
-	Cấp điện sinh hoạt	w/người	250	≥ 330
-	Điện công trình công cộng (tính bằng tỷ lệ % của phụ tải điện sinh hoạt)	%	30	≥ 30

Quá trình lập quy hoạch sẽ xác định cụ thể các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật dự kiến, đảm bảo phù hợp với các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành, có cân đối cho phù hợp với tình hình thực tiễn và yêu cầu phát triển của khu vực.

7. Các yêu cầu trong quá trình lập đồ án quy hoạch:

7.1. Quan điểm chung: triển khai song song và cập nhật số liệu, định hướng phát triển của Quy hoạch tỉnh Nghệ An (*đang nghiên cứu*); Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Diễn Châu.

7.2. Đánh giá tổng quan thực trạng và nguồn lực phát triển:

- Phân tích vị trí địa lý, đặc điểm địa hình, địa chất, khí hậu, thủy văn, các vấn đề ảnh hưởng biến đổi khí hậu.

- Về hệ thống đô thị và điểm dân cư nông thôn: Xác định đặc điểm phân bố, quá trình phát triển, tốc độ và xu hướng đô thị hóa, các vấn đề cần khắc phục hạn chế, phát huy lợi thế, tiềm năng.

- Về hệ thống hạ tầng kinh tế: Phân tích hệ thống hạ tầng kinh tế về công nghiệp, dịch vụ, nông lâm nghiệp, quá trình chuyển đổi cơ cấu ngành nghề, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và nhu cầu phát triển đối với hệ thống kết cấu hạ tầng kỹ thuật.

- Về hệ thống hạ tầng xã hội: Phân tích đặc điểm phân bố, số lượng, quy mô và các kế hoạch phát triển đối với hệ thống hạ tầng xã hội, xác định các nhu cầu phát triển và kế hoạch phát triển của các ngành, lĩnh vực có liên quan.

- Về công tác rà soát, đánh giá chương trình, quy hoạch và dự án: Đánh giá thực trạng các chương trình, quy hoạch và dự án tại đô thị và nông thôn trên địa bàn huyện Diễn Châu và khu vực liên quan, đồng thời cập nhật định hướng điều chỉnh quy hoạch chung KKT Đông Nam để đưa ra các giải pháp khớp nối, điều chỉnh phù hợp với định hướng quy hoạch xây dựng, quy hoạch ngành.

- Đánh giá tổng quan thực trạng và nguồn lực phát triển của vùng huyện Diễn Châu, đồng thời phải phân tích, đặt trong tổng thể phát triển của quy hoạch tỉnh Nghệ An (đang nghiên cứu).

- Xác định các vấn đề giải quyết của thực trạng phát triển:

+ Trên cơ sở tài liệu thu thập và nội dung phân tích đánh giá tổng quan thực trạng phát triển, tổ chức nghiên cứu đánh giá chung về các vấn đề hiện trạng cần giải quyết, các ưu điểm cần phát huy, các nhược điểm cần khắc phục và lựa chọn vấn đề cần phải tập trung giải quyết trong đồ án.

+ Phân tích, rà soát các thông tin, nghiên cứu các quy hoạch liên quan như: Quy hoạch tỉnh Nghệ An (đang nghiên cứu), quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội tỉnh Nghệ An và huyện Diễn Châu ... Cần thiết để đưa ra các đề xuất để kịp thời lồng ghép, khớp nối đồng bộ, phù hợp với các đồ án.

7.3. Về định hướng phát triển không gian vùng:

a) Phân vùng chức năng phát triển:

Việc phân vùng phát triển phải dựa trên các nguyên tắc sau:

- Phù hợp với điều kiện địa hình;
- Thuận lợi trong kết nối giao thông, hạ tầng kỹ thuật;
- Phù hợp với định hướng phát triển ngành, lĩnh vực và khu chức năng chính;
- Trong từng phân vùng phải lựa chọn các trọng tâm, chức năng chính làm động lực phát triển cho vùng như: đô thị, công nghiệp, du lịch, dịch vụ, nông nghiệp...;

Tùy điều kiện thực tế để phân vùng phát triển hợp lý (có thể nghiên cứu phân thành 02 đến 03 vùng phát triển), có mối liên kết chặt chẽ và toàn diện. Số lượng các vùng phát triển sẽ được xác định cụ thể trong đồ án quy hoạch.

b) Định hướng phát triển không gian vùng:

- Đề xuất tổ chức không gian đô thị, phân cấp đô thị, lựa chọn hình thái, cấu trúc, chức năng và quy mô các đô thị theo vùng và khu vực. Trong đó trọng tâm là thị trấn huyện lỵ Phủ Diễn, định hướng các đô thị mới tại vùng Diễn Yên và vùng phía Bắc Khu kinh tế Đông Nam (Diễn Trung, Diễn An, Diễn Thịnh) gắn kết chặt chẽ với các khu du lịch nghỉ dưỡng ven biển, khu du lịch sinh thái;

- Đề xuất hệ thống không gian công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp, cụ thể về quy mô, loại hình, ưu tiên công nghiệp chế biến, dịch vụ nông nghiệp, bố trí các khu vực cần gắn với các địa bàn đô thị, trung tâm cụm xã, nông thôn, vùng sản xuất nông - lâm nghiệp, làng nghề... đảm bảo các yêu cầu về khoảng cách ly an toàn, bảo vệ môi trường;

- Rà soát, xem xét sự hình thành của các trung tâm cụm xã trong định hướng tình hình mới về phát triển nông nghiệp công nghệ cao, công nghiệp, dịch vụ, du lịch ... đặc biệt đối với các xã đã có quy hoạch được duyệt để xác lập những yêu cầu cần thiết của việc điều chỉnh quy hoạch;

- Rà soát quy hoạch trên địa bàn huyện, các điểm dân cư tập trung có khả năng đô thị hóa, các đô thị mới có khả năng hình thành trên địa bàn huyện;

- Đề xuất mô hình nông thôn mới, các khu tái định cư phục vụ các dự án động lực, quy mô lớn.

7.4. Định hướng quy hoạch hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật vùng:

- Giao thông:

+ Cập nhật, dự báo nhu cầu vận tải hành khách, hàng hóa, nghiên cứu các chiến lược vận tải vùng tỉnh và khu vực để đề xuất chiến lược phát triển mạng lưới giao thông vùng huyện Diễn Châu.

+ Xác định hệ thống khung hạ tầng giao thông vùng huyện kết nối phù hợp với hệ thống giao thông tỉnh, quốc gia nhằm phát huy được lợi vị trí vùng trung tâm tỉnh Nghệ An;

+ Đề xuất giải pháp phát triển hạ tầng giao thông đáp ứng nhu cầu giao thông phù hợp với cấu trúc phát triển không gian vùng huyện Diễn Châu, khai thác phù hợp các tác động trong tương lai của hệ thống đường Quốc lộ 7, Quốc lộ 48, Quốc lộ 1A, đường cao tốc Bắc Nam, đường sắt Bắc Nam, đường liên kết các đô thị và hệ thống đường huyện/xã đảm bảo sự kết nối phù hợp với các khu vực trên địa bàn huyện. Đặc biệt là có giải pháp kết nối giao thông nhằm phát huy lợi thế du lịch biển của các xã ven biển huyện Diễn Châu;

+ Xây dựng các trục giao thông hành lang, trục liên kết nhằm đẩy mạnh sự phát triển kinh tế của vùng huyện. Nghiên cứu hệ thống giao thông chính đô thị khu vực thị trấn Phủ Diễn và các vùng phụ cận, hệ thống giao thông chính trong các khu đô thị và các khu vực nông thôn trong huyện; xem xét yêu cầu bảo vệ và sử dụng các tuyến đường đối ngoại đi qua đô thị và các khu vực dân cư nông thôn.

- Chuẩn bị kỹ thuật:

+ Đề xuất các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng trên cơ sở bảo vệ và tôn trọng cảnh quan, địa hình tự nhiên, đáp ứng được các điều kiện kỹ thuật, đảm bảo an toàn, giữ được bản sắc địa hình mỗi vùng. Ưu tiên các giải pháp khai thác quỹ đất xây dựng từ những quỹ đất còn hoang hóa, hạn chế chuyển đổi, có các biện pháp bảo vệ đất nông nghiệp, đặc biệt các vùng, khu vực đất nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp sạch và vùng có cảnh quan sinh thái cần được bảo vệ.

+ Đề xuất các giải pháp phòng tránh thiên tai, các giải pháp kỹ thuật để kiểm soát lũ, nước biển dâng; phát triển hệ thống thủy lợi đầu mối, đê, đập, xây dựng hồ điều tiết lũ, kè biển ứng phó biến đổi khí hậu và nước biển dâng... cung cấp nước cho sinh hoạt công nghiệp, nông nghiệp và đặc biệt là đáp ứng yêu cầu phòng tránh thiên tai.

- Cấp nước:

+ Đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm, nghiên cứu quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho các khu vực dự kiến là đô thị và trung tâm cụm xã. Bảo vệ, phát huy hệ thống kênh mương thủy lợi từ sông Bùng, kênh Nhà Lê, khai thác cho nhu cầu sản xuất nông nghiệp và dịch vụ đô thị, công nghiệp.

+ Xác định rõ nguồn cấp nước cho phát triển đô thị và công nghiệp và các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, hồ đập thủy lợi, kiểm soát khai thác nguồn nước ngầm phục vụ sinh hoạt sản xuất.

- Cấp điện và thông tin liên lạc:

+ Dự báo bổ sung nhu cầu phụ tải điện, bao gồm: Phụ tải điện sinh hoạt, điện công trình công cộng, điện sản xuất,... điều chỉnh lưới truyền tải và phân phối điện theo nhu cầu phụ tải mới. Xác định nguồn điện cho sinh hoạt và sản xuất.

+ Đề xuất khai thác sử dụng các nguồn năng lượng mới và tái tạo, thân thiện môi trường như năng lượng mặt trời. Đề xuất cơ chế sử dụng, thu mua các nguồn năng lượng sạch.

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

+ Dự báo, điều chỉnh bổ sung, công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị theo các giai đoạn quy hoạch.

+ Nghiên cứu điều chỉnh bổ sung quy mô, công suất một số công trình đầu mối, xử lý chất thải rắn và nghĩa trang cấp vùng huyện, phù hợp với định hướng quy hoạch cấp trên.

- Đánh giá tác động môi trường chiến lược:

+ Các nội dung yêu cầu nghiên cứu thực hiện theo Mục g, Khoản 1, Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

+ Đánh giá các tác động tích cực, tiêu cực đến môi trường do quy hoạch tạo ra. Đề xuất các giải pháp giải quyết các vấn đề môi trường. Xác định các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu tác động và quản lý, giám sát môi trường.

8. Hồ sơ sản phẩm:

Thành phần và nội dung hồ sơ quy hoạch được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng; Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ, đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù.

Danh mục hồ sơ quy hoạch xây dựng vùng huyện Diễn Châu, tỉnh Nghệ An giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 như sau:

8.1. Hồ sơ bản vẽ:

TT	Tên bản vẽ	Tỷ lệ
1	Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng	Tỷ lệ Thích hợp
2	Các sơ đồ hiện trạng vùng gồm: Điều kiện tự nhiên; hiện trạng phân bố dân cư và sử dụng đất; hiện trạng hệ thống xã hội, hạ tầng kỹ thuật và môi trường cấp vùng.	1/25.000
3	Các sơ đồ về phân vùng và định hướng phát triển không gian vùng	1/25.000
4	Sơ đồ định hướng giao thông	1/25.000
5	Sơ đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật	1/25.000
6	Sơ đồ định hướng cấp nước	1/25.000
7	Sơ đồ định hướng cấp điện	1/25.000
8	Sơ đồ định hướng thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang	1/25.000
9	Sơ đồ định hướng thông tin liên lạc	1/25.000
10	Các bản vẽ về đánh giá môi trường chiến lược	Tỷ lệ thích hợp

8.2. Phần văn bản:

- Tờ trình xin phê duyệt, dự thảo Quyết định phê duyệt quy hoạch và văn bản pháp lý có liên quan.

- Thuyết minh tổng hợp + các phụ lục, văn bản pháp lý liên quan kèm theo bản vẽ A3; Quy chế quản lý kiến trúc (theo đồ án quy hoạch).

- Hồ sơ được thành lập gồm 07 bộ (trong đó có 01 bộ màu).

9. Tổ chức thực hiện:

9.1. Thời gian lập đồ án quy hoạch: 12 tháng kể từ khi nhiệm vụ quy hoạch được duyệt.

9.2. Lấy ý kiến về quy hoạch: Chủ đầu tư chỉ đạo đơn vị tư vấn phối hợp với chính quyền địa phương lấy ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức và cộng đồng dân cư có liên quan trong khu vực quy hoạch theo quy định hiện hành.

9.3. Thời gian thẩm định: Sở Xây dựng thẩm định hồ sơ quy hoạch trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

9.4. Công bố quy hoạch được duyệt: Chủ đầu tư phối hợp với Sở Xây dựng và các sở ngành, địa phương liên quan công bố quy hoạch sau khi đồ án quy hoạch được phê duyệt.

9.5. Phân công trách nhiệm:

- Cơ quan phê duyệt: Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An;
- Cơ quan thẩm định: Sở Xây dựng Nghệ An;
- Cơ quan tổ chức lập quy hoạch: Ủy ban nhân dân huyện Diễn Châu;
- Cơ quan lập quy hoạch: Lựa chọn theo quy định pháp luật hiện hành.

9.6. Dự toán kinh phí lập quy hoạch:

Kinh phí thực hiện (tạm tính): **2.433.362.000 đồng** (Hai tỷ bốn trăm ba ba triệu ba trăm sáu hai nghìn đồng).

- + Chi phí mua bản đồ + đo vẽ bổ sung: 31.219.000 đồng;
- + Chi phí lập đồ án quy hoạch: 1.962.620.000 đồng;
- + Chi phí khác: 439.523.000 đồng.

Điều 2. Đơn vị tổ chức lập quy hoạch triển khai thực hiện lập quy hoạch xây dựng theo đúng quy định tại Quyết định này và các quy định khác của pháp luật liên quan, đảm bảo mục tiêu đầu tư, chất lượng, tiến độ thực hiện, tiết kiệm chi phí và đạt được hiệu quả đồ án.

Điều 3. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở, Ban ngành đơn vị cấp tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Diễn Châu; Các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- PCVP CN UBND tỉnh;
- Các phòng: CN, NN;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Trung tâm phục vụ hành chính công;
- Lưu: VTUB, CVXD (Quỳnh).

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Lê Ngọc Hoa